

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 312 /2026/HS-ST

Ngày 26- 8- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lam- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Sỹ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 270/2026/TLST- HS ngày 24 tháng 7 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2026/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh 02/4/1998; số CCCD: 024098001981; tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; và bà: Đặng Thị H, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự:** không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. Nguyễn Thành H, sinh ngày 10/8/ 1997; số CCCD: 024097004221; tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973; và bà: Trần Thị Ch, sinh năm 1977; vợ,

con: Chưa có; **tiền án, tiền sự:** không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/20256 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại Việt Yên Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

3. Đặng Đình Ch, sinh ngày 15/02/1992; số CCCD: 024092002866 tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Đ (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Quang Th, sinh năm 1958; và bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; có vợ: Lý Thị Th (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013; **tiền án, tiền sự:** Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

4. Lê Văn Ng, sinh ngày 04/11/ 1998; số CCCD: 024098003802; tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Gi (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T, sinh năm 1974 (đã chết); và bà: Đỗ Thị M, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự :** Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 73/2021/HSPT ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) xử phạt Lê Văn Ng 02 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự - Ng đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2023; chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm ngày 30/11/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2026 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

5. Nguyễn Văn D, sinh 15/6/1998; số CCCD: 024098006309; tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1971; và bà: Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự :** Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2026 đến nay, hiện đang tạm giam tại Phân trại V -Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

6. Nguyễn Xuân D, sinh ngày 11/3/1990; số CCCD: 024090012654; tại xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1965; và bà: Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1972; có vợ: Hoàng Thị Ph và 02 con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; **tiền án, tiền sự** : Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2026 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại V Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn Gi, xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Gi, xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Chị D Thị Ng, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/02/2026, Công an xã H tiếp nhận đơn trình báo của chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1973; trú tại thôn Gi (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Bắc Ninh về nội dung: Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 15/02/2026, chị Đỗ Thị Th đang ở nhà thì Lê Văn Ng, sinh năm 1998, trú tại thôn Gi (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Bắc Ninh (Ng là cháu của chị Th) đến mượn xe mô tô Honda Dream biển số 30Z4-3344 để đi lại. Ng điều khiển xe đi và không trả lại cho chị Th.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin tội phạm, ngày 27/02/2026 Công an xã H tiến hành triệu tập Lê Văn Ng đến làm việc. Tại Công an xã H, Ng khai nhận do không có tiền chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị Th. Ng mượn xe của chị Th, sau đó cầm xe mô tô cho chị D Thị Ng, sinh năm 1983, trú tại thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh được số tiền 4.000.000 đồng và chi tiêu hết.

Công an xã H tiến hành xét nghiệm ma túy, kết quả: Ng D tính với ma túy MET. Nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, Ng đầu thú khai nhận về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 28/02/2026 Công an xã H chuyển hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Lê Văn Ng, sinh năm 1998, trú tại thôn Gi (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh Bắc Ninh không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do không có

tiền chi tiêu nên Ng nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản đem cầm cố lấy tiền. Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 15/02/2026, Lê Văn Ng đến mượn chị Đỗ Thị Th xe mô tô Honda Dream biển số 30Z4-3344, khi mượn xe Ng nói dối chị Th mượn xe để đi có việc. Sau khi mượn được xe, Ng điều khiển xe mô tô đến Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại dịch vụ Th - địa chỉ tại thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh do chị D Thị Ng, sinh năm 1983 làm giám đốc để cầm cầm xe mô tô. N gặp chị Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 2007 (con gái chị Ng) rồi nói chuyện qua điện thoại với chị Ng để ký gửi xe mô tô Honda Dream biển số 30Z4-3344 với giá 4.000.000 đồng. Chị Ng đồng ý và bảo chị Nh đưa tiền cho Ng. Khi có tiền cầm cầm xe mô tô, Ng chi tiêu hết số tiền trên và không trả lại xe cho chị Th. Ng xin ở lại làm thuê tại nhà nghỉ Lâm H - địa chỉ ở thôn số 2 (nay là thôn Q), xã H, tỉnh Bắc Ninh từ ngày 23/02/2026. Trong thời gian làm việc tại nhà nghỉ L có Đặng Văn Ch, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1998, cùng trú tại thôn Đ (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh thuê phòng 203 của nhà nghỉ. Khoảng 19 giờ ngày 26/02/2026, Ng gõ cửa phòng số 203 để dọn phòng thì thấy trong phòng có chai nước, ống hút, giấy bạc, Ng đoán người thuê phòng có sử dụng ma túy nên Ng hỏi N “*các anh có chơi đồ đạc không*” ý là có sử dụng ma túy không thì N bảo “*có nH phải đi lấy*”. Do cũng là đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp nên Ng bảo N cho Ng góp 100.000 đồng để mua ma túy về cùng sử dụng, N đồng ý. Ng đưa cho N 01 bao lì xì bên trong có 100.000 đồng (03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng). Sau khi nhận tiền của Ng, N nói với Ch mỗi người góp 200.000 đồng cho đủ 500.000 đồng để mua ma túy, Ch đồng ý và bảo N ứng tiền trước. N gọi điện qua Messenger cho Nguyễn Thành H, sinh năm 1997, trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh để rủ H đi mua ma túy cùng N được H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 98B3-591.35 (xe mượn của anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1997, trú tại thôn Ph, xã H, tỉnh Bắc Ninh) đến nhà nghỉ L đón Nam. H chở N đi đến khu vực trung tâm ngã 7 ông Tượng thuộc xã H, tỉnh Bắc Ninh thì dừng xe lại đứng chờ để N đi lấy ma túy. Theo lời khai của N thì N điều khiển xe mô tô của H đi đến gần cổng làng thôn Đ, xã H gặp Nguyễn Thế H, sinh năm 1971 hỏi mua 500.000 đồng ma túy tổng hợp thì được H đưa cho 03 đoạn ống nhựa, bên trong mỗi đoạn ống đều chứa 01 viên nén màu hồng (ma túy ngựa) và một ít tinh thể màu trắng (ma túy đá). Sau khi mua được ma túy, N điều khiển xe quay lại đón H về nhà nghỉ L cùng sử dụng ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi vào trong phòng 203 của nhà nghỉ, trong phòng có Ch, Ng đang ở đây, trên mặt bàn có sẵn chai nước, nắp nhựa, giấy bạc, bật lửa. N bỏ ma túy để lên bàn, H đổ ma túy trong 01 đoạn ống nhựa lên trên tờ giấy bạc, dùng bật lửa hơi nóng

ma túy. H sử dụng đầu tiên rồi tiếp tục dùng bật lửa hơi ma túy cho Ng, N hút, đến lượt Ch hút thì Ng bảo H hơi toàn mùi ga nên Ng lấy bật lửa hơi cho H, Ch, N cùng sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy trên, H tiếp tục đổ ma túy trong 01 đoạn ống nhựa ra để Ng châm ma túy cho mọi người sử dụng khoảng 2-3 lượt thì dừng lại, Ng đi về phòng 204 của Ng để nghỉ.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ cùng ngày 26/02/2026, Nguyễn Văn D, sinh năm 1998, trú tại thôn Ch, xã H, tỉnh Bắc Ninh gọi điện cho N hỏi “*có chơi không, em góp hai trăm*”, N hiểu ý D hỏi có sử dụng ma túy không, N đồng ý và bảo D đến nhà nghỉ L chơi. Khoảng 30 phút sau, D đến phòng 203 của nhà nghỉ L, trong phòng còn lại Ch, N, H, các dụng cụ sử dụng ma túy để trên mặt bàn cùng với 01 đoạn ống nhựa chứa ma túy được N mua về lúc trước. D đưa cho N 200.000 đồng tiền mặt, N hiểu ý đây là tiền D góp để sử dụng ma túy. D đổ ma túy ra tờ giấy bạc dùng bật lửa hơi nóng ma túy, D sử dụng đầu tiên tiếp tục hơi nóng cho Ch, N, H sử dụng, N sử dụng được 01 lượt, Ch, H và D mỗi người dùng được 2- 3 lượt thì dừng lại, D đi về nhà luôn.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ, sau khi sử dụng ma túy cùng Ch, N và D, H điều khiển xe mô tô về nhà. Trên đường đi về Nguyễn Xuân D, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh gọi điện cho H rủ chơi ma túy, H đồng ý và đón D ở bờ hồ Đ quay lại nhà nghỉ L. Khi đến cửa nhà nghỉ L, H gọi điện cho N xuống dưới để nhờ N đi mua ma túy hộ D, D đưa cho Nam 500.000 đồng để mua ma túy rồi H, D đi lên phòng 203 ngồi chờ, N đến vị trí lần trước gặp Nguyễn Thế H mua 400.000 đồng ma túy được 02 đoạn ống nhựa bên trong mỗi đoạn chứa 01 viên nén màu hồng và một ít tinh thể màu trắng. Khoảng 22 giờ, N quay trở lại phòng 203 nhà nghỉ L, trong phòng có Ch, H, D và N. N để ma túy lên bàn, H lấy ma túy đổ ra giấy bạc hơi nóng cho D sử dụng đầu tiên, tiếp đến N và H sử dụng ma túy được khoảng 03 lượt thì hết. Sau đó H điều khiển xe chở D về nhà, Ch và N ở lại phòng 203.

Ngoài ra, H, Ch, N khai nhận khoảng 15 giờ ngày 25/02/2026, tại phòng nghỉ 203 nhà nghỉ L, Ch đưa cho N 200.000 đồng để mua ma túy. N mượn xe mô tô Honda Wave của H đến gặp Nguyễn Thế H mua được 01 đoạn ống nhựa có ma túy về phòng. Tại phòng N dùng bật lửa hơi ma túy cho N sử dụng đầu tiên rồi Ch và H cùng sử dụng.

Ngày 27/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành kiểm tra phòng 203 nhà nghỉ L; địa chỉ thôn số 2, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Kiểm tra tại phòng nghỉ có Đặng Đình Ch, Nguyễn Văn N đang ở trong phòng, thu giữ trên mặt bàn nhựa trong phòng nhiều mảnh giấy bạc có một mặt bảm dính chất màu đen, 01 mảnh ống nhựa màu đỏ, 02 mảnh ống nhựa màu vàng, 03 bật lửa; thu giữ trên gói

giường trong phòng 01 chai nước bên trong chứa dung dịch trong suốt, nắp chai màu xanh, trên nắp chai có gắn các ống hút nhiều màu bằng nhựa. Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong các đồ vật theo quy định.

Ngày 27/02/2026, Nguyễn Văn N, Đặng Đình Ch, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Xuân D đến Công an xã H đầu thú về hành vi phạm tội của mình. N giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; Ch giao nộp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy; H giao nộp 01 điện thoại Iphone 13 Promax; D giao nộp 01 điện thoại Iphone XS Max; D giao nộp 01 điện thoại Iphone 14 Promax.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của N, H, có lịch sử cuộc gọi, tin nhắn phù hợp với lời khai của các đối tượng về việc rủ nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với D, D khai nhận sau khi sử dụng các điện thoại liên lạc các đối tượng xóa hết lịch sử cuộc gọi, tin nhắn liên quan đến hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra tiến hành xét nghiệm ma túy qua mẫu nước tiểu đối với Nguyễn Văn N, Đặng Đình C, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Xuân D1, Lê Văn N. Kết quả các đối tượng đều D tính với ma túy MET.

Ngày 28/02/2026, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định ma túy đối với chất màu đen và tinh thể bám dính trong các mẫu vật được niêm phong trong quá trình kiểm tra phòng nghỉ 203 và 06 mẫu nước tiểu của các đối tượng.

Tại Kết luận giám định số 958/KL-KTHS ngày 02/3/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- + Chất màu đỏ bám dính bên trong 01 đoạn ống nhựa màu đỏ và bên trong 02 đoạn ống nhựa màu vàng gửi giám định là ma túy; Loại ma túy Methamphetamine; Không xác định được khối lượng.

- + Chất màu nâu bám dính trên 08 mảnh giấy bạc gửi giám định là ma túy; Loại ma túy Methamphetamine; Không xác định được khối lượng.

- + Chất bám dính trên 01 chai nước nhãn hiệu Lavi, bên trong chứa dung dịch trong suốt, nắp chai màu xanh, trên nắp chai đục 02 lỗ thủng có gắn các ống hút bằng nhựa nhiều màu gửi giám định không tìm thấy chất ma túy.

- + Mẫu nước tiểu ghi thu của Lê Văn N, Nguyễn Văn N, Đặng Đình C, Nguyễn Thành H, Nguyễn Xuân D1, Nguyễn Văn D bên trong 06 chai nhựa gửi giám định đều tìm thấy Methamphetamine.

Ngày 28/02/2026, Cơ quan điều tra cho các đối tượng mô tả lại diễn biến quá trình sử dụng ma túy. Kết quả N, H, C mô tả và thực hiện lại được quá trình sử dụng

ma túy ngày 25/02/2026. Nam, H, C, Duy, D, N mô tả và thực hiện lại được quá trình sử dụng ma túy trong ngày 26/02/2026 phù hợp lời khai của các bị cáo.

Ngày 15/3/2026 chị Đỗ Thị M, sinh năm 1974, trú tại thôn G (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh B (mẹ đẻ của N) đến nhà chị N để chuộc lại xe mô tô và trả lại cho chị T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 02/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND xã H, tỉnh B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại C100 Super Dream HT, biển kiểm soát 30Z4-3344 trị giá 13.000.000 đồng.

Cáo trạng số 147/CT- VKS- KV2 ngày 24 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H và Đặng Đình C về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân D1 và Nguyễn Văn D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng về tội danh Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo Nam trình bày thêm: Bị cáo C là người thuê phòng 203, C rủ bị cáo lên đó. Hồi 15 giờ ngày 25/02/2026, bị cáo C đưa cho bị cáo 200.000 đồng để bị cáo đi mua ma túy về sử dụng. H không có bàn bạc gì với bị cáo và C về việc tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo bảo với H là lấy xe mô tô đi ra ngoài có việc, không nói cho H biết là đi mua ma túy. Khi bị cáo mua ma túy về dụng cụ có sẵn, bị cáo đổ ma túy ra hơ nóng cho bị cáo, C và H sử dụng. Bị cáo H không làm gì.

Ngày 26/02/2026, sau khi bị cáo H, C, N sử dụng, còn 01 ống, N về. D đến đưa cho bị cáo 200.000 đồng để mua ma túy cùng sử dụng. Sau đó H, C, bị cáo và D sử dụng ma túy,

Bị cáo C trình bày thêm: Bị cáo thuê phòng 203, sau đó rủ Nam đến. Ngày 25/02/2026, bị cáo đưa cho Nam 200.000 đồng để đi mua ma túy, H không biết. Nam lấy xe mô tô của H đi mua ma túy, H không biết. Mua ma túy về Nam đổ ma túy và hơ nóng để Nam, H và bị cáo sử dụng. H không làm gì trong khi các bị cáo sử dụng ma túy.

Bị cáo H trình bày thêm: Ngày 25/02/2026, bị cáo trong nhà vệ sinh, để chìa khóa xe máy ở trên bàn. Nam và C bàn bạc về việc mua ma túy bị cáo không biết. Nam lấy xe của bị cáo đi mua ma túy bị cáo không biết. Sau khi mua ma túy về, Nam

đổ ra hơi nóng cho bị cáo, Nam và C sử dụng. Bị cáo không làm gì khi sử dụng ma túy.

Bị cáo N trình bày thêm: Khi cầm xe, bị cáo không nói với chị N là xe máy do phạm tội mà có. Bị cáo tác động gia đình chuộc xe trả lại cho chị T.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân D1** từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 04 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** từ 07 năm 04 tháng đến 07 năm 06 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 07 năm 04 tháng đến 07 năm 06 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 10 tháng đến 12 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của **Lê Văn N** cho cả 2 tội từ 08 năm 02 tháng đến 08 năm 06 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đặng Đình C** từ 08 năm 06 tháng đến 08 năm 08 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành H** từ 08 năm 04 tháng đến 08 năm 06 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** từ 08 năm 04

tháng đến 08 năm 06 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các mảnh giấy bạc, 01 mảnh ống nhựa màu đỏ, 02 mảnh ống nhựa màu vàng, 03 bật lửa, 01 chai nước Lavi nắp chai có gắn ống hút thu giữ khi kiểm tra phòng nghỉ 203 nhà nghỉ Lâm Hồng là công cụ các bị can sử dụng để phạm tội.

Tịch thu xung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax số Imei: 353906106567309 của Nguyễn Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max số Imei: 357269092092410 của Nguyễn Văn D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax số Imei: 355908665577164 của Nguyễn Thành H, 01 điện thoại Iphone 14 Promax số Imei: 355597820310437 của Nguyễn Xuân D1 là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu xung công quỹ.

Trả lại Đặng Đình C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy

Trả lại Đặng Đình C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A24, số Imei: 356973941929497/01 không liên quan đến hành vi phạm tội nH cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] *Về hành vi của các bị cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định số 958/KT- KTHS ngày 02/3/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 25/02/2026 và 26/02/2026 tại phòng 203 nhà nghỉ Lâm Hồng có địa chỉ tại thôn số 2 (nay là thôn Quang Trung), xã H, tỉnh B do Đặng Đình C thuê trọ; Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Lê Văn N, Nguyễn Xuân D1, Nguyễn Văn D cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, các bị cáo Nam, H và C đều xác định ngày 25/02/2026, bị cáo C đưa tiền cho bị cáo Nam đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo Nam dùng xe mô tô của bị cáo H đi mua ma túy, H không biết, H không bàn bạc với Nam và C về việc sử dụng ma túy. Khi Nam mua ma túy về Nam đổ ma túy và hơi nóng cho Nam, H và C sử dụng. Do đó có căn cứ xác định cụ thể:

Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 25/02/2026, Nguyễn Văn N, Đặng Đình C đã cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma túy, trong đó: C là người bỏ ra 200.000 đồng để mua ma túy, Nam là người lấy xe mô tô do H để đi mua ma túy, H không biết, Nam là người hơi nóng ma túy để H, C và Nam sử dụng đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể. H không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Lần 2: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/02/2026, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Lê Văn N cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma túy, trong đó: Nam bỏ ra 400.000 đồng, N bỏ ra 100.000 đồng để góp tiền mua ma túy; Nam, H trực tiếp đi mua ma túy, H, N là người hơi nóng ma túy để H, N, C và Nam sử dụng đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể.

Lần 3: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/02/2026, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Nguyễn Văn D cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma túy, trong đó: D góp 200.000 đồng mua ma túy và trực tiếp hơi nóng ma túy cho H, C, Nam và D sử dụng đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể.

Lần 4: Khoảng 22 giờ ngày 26/02/2026, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Nguyễn Xuân D1 cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma

túy, trong đó: Duy là người bỏ ra 500.000 đồng mua ma túy, Nam là người trực tiếp mua ma túy, H là người hơ nóng ma túy cho H, C, Nam và Duy sử dụng đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể.

Ngoài ra, khoảng 08 giờ 45 phút ngày 15/02/2026 tại gia đình nhà chị Đỗ Thị Thúy, sinh năm 1973, địa chỉ thôn G (nay là thôn Đ), xã H, tỉnh B, Lê Văn N còn thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói dối chị T mượn xe mô tô để chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại C100 Super Dream HT, biển kiểm soát 30Z4-3344 trị giá 13.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Thúy đem đến nhà chị D Thị N, sinh năm 1983, trú tại thôn Bảo An, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh vay số tiền 4.000.000 đồng.

Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H và Đặng Đình C có đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân D1, Nguyễn Văn D và Lê Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự . Ngoài ra, hành vi của bị cáo Lê Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 147/CT- VKS- KV2 ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H và Đặng Đình C về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Xuân D1 và Nguyễn Văn D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Văn N về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Ngoài ra, hành vi của bị cáo N xâm phạm quyền sở hữu của chị Đỗ Thị Thúy được pháp luật bảo vệ. Hiện nay tệ nạn ma túy ở địa phương xảy ra nhiều, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ trong quá trình phạm tội, đây là vụ án đồng phạm nH mang tính chất giản đơn, không có tổ chức.

[4] *Xét vai trò các bị cáo thì thấy:* Bị cáo Nguyễn Văn N tham gia 04 lần tổ chức sử dụng ma túy, 04 lần là người mua ma túy cho các bị cáo sử dụng ma túy, trong đó 1 lần hơ ma túy cho các bị cáo sử dụng; bị cáo C tham gia 04 lần tổ chức sử

dụng ma túy, sử dụng phòng nghỉ của mình thuê và đưa cho Nam 200.000 đồng mua ma túy cho các bị cáo sử dụng ma túy; bị cáo H tham gia 03 lần tổ chức sử dụng ma túy trong đó 02 lần hơ ma túy cho các bị cáo sử dụng; D tham gia 01 lần tổ chức sử dụng ma túy, góp 200.000 đồng mua ma túy và hơ nóng ma túy cho các bị cáo sử dụng; bị cáo Duy mua 500.000 đồng ma túy cho các bị cáo sử dụng và bị cáo N mua 100.000 đồng ma túy và hơ nóng ma túy cho các bị cáo sử dụng. Do đó bị cáo Nam có vai trò thứ nhất, bị cáo C và bị cáo H có vai trò thứ 2, bị cáo D có vai trò thứ 3 và sau cùng là bị cáo Duy và bị cáo N. Song khi cân nhắc hình phạt H thực hiện hành vi phạm tội 03 lần do đó hình phạt nhẹ hơn bị cáo C. Bị cáo N có nhân thân xấu nên hình phạt của N nặng hơn bị cáo Duy.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú; bị cáo H có thời gian tham gia quân đội và có bà nội tham gia dân công hỏa tuyến; ông nội bị cáo Nam có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng 3; ông nội bị cáo Duy có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo N tác động gia đình chuộc lại xe trả bị hại. Áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo khi cân nhắc hình phạt. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo N được áp dụng điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H và Đặng Đình C phạm tội nhiều lần đã áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên Hội đồng xét xử không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] *Xét về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, không có tài sản riêng, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy*: Các bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, các bị cáo phạm tội nghiêm trọng; bị cáo N có nhân thân xấu, phạm tội 02 tội. Áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Các bị cáo đang bị tạm giam bị xử phạt tù, để đảm bảo thi hành án căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tạm giam các bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong giai đoạn điều tra, chị T đã nhận lại xe mô tô do N chiếm đoạt, chị N đã được trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho N vay. Đến nay,

chị T, chị N không yêu cầu N bồi thường thiệt hại, chị Mai không yêu cầu N hoàn trả, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Các vấn đề khác:*

Đối với người đã bán ma túy cho Nguyễn Văn N: căn cứ lời khai của Nam, Cơ quan điều tra tiến hành dẫn giải Nguyễn Văn N chỉ lại vị trí mua ma túy và nhận dạng qua bản ảnh người đàn ông tên Hải đã bán ma túy cho Nam. Kết quả Nam xác định được nhà và nhận ra người đàn ông đã bán ma túy là Nguyễn Thế Hải, sinh năm 1971, trú tại thôn Đức Thịnh, xã H, tỉnh B. Tiến hành làm việc với Nguyễn Thế Hải nH Hải không thừa nhận việc bán ma túy cho Nam. Ngoài lời khai của Nam không còn tài liệu chứng cứ nào khác xác định Hải bán ma túy cho Nam nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Hải về hành vi bán trái phép chất ma túy.

Đối với anh Nguyễn Quang Lâm, sinh năm 1990, trú tại thôn số 2, xã H, tỉnh B là chủ nhà nghỉ Lâm Hồng. Quá trình quản lý nhà nghỉ anh Lâm phát hiện các đối tượng thuê trọ ở phòng 203 có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên báo tin cho Công an xã Hiệp Hòa để xử lý theo quy định. Do vậy, anh Lâm không vi phạm pháp luật.

Đối với chị D Thị N không biết chiếc xe mô tô N đem đến là tài sản do chiếm đoạt của chị T, nên hành vi của chị N không vi phạm pháp luật.

[11] *Về vật chứng:*

[11.1] 01 túi niêm phong ký hiệu PS2A 074.066 niêm phong theo quy định, ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong đóng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 bật lửa ga màu tím và 01 bật lửa ga màu trắng xanh là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là vật không có giá trị, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[11.2] 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT D” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Văn N”, bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn N; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Xuân D1”, bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Duy; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Thành H” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo H, các bị cáo sử dụng vào việc gọi điện mua ma túy và rủ nhau tổ chức sử dụng ma túy là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11.3] 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT C” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Đặng Đình C là tài sản của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo C NH được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[12] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Lê Văn N, Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật:

1.1. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.2. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Đình C 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.3. Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D1 07 (bảy) năm 03(ba) tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù về tội về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N 10 (mười) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/02/2026. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. *Về trách nhiệm sự*: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. *Về vật chứng*: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự , điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. *Tịch thu tiêu hủy*: 01 túi niêm phong ký hiệu PS 2A 074.066 niêm phong theo quy định, ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong đóng dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 bật lửa ga màu tím và 01 bật lửa ga màu trắng xanh.

2.2. *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước*: 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT D” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Văn N”, bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn N; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Xuân D1”, bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Duy; 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT di động của Nguyễn Thành H” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo H.

2.3. Trả lại Đăng Đình C 01 phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “ĐT C” bên trong đựng điện thoại tạm giữ của bị cáo Đăng Đình C nH được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành H, Đặng Đình C, Lê Văn N, Nguyễn Văn D và Nguyễn Xuân D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- THADS Tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THA tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu HS.VP;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác.
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương

: